

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington, Quận _____

In re the marriage of:
Về cuộc hôn nhân của:

Petitioner (*person who started this case*):
Nguyên Đơn (*người đã bắt đầu vụ kiện này*):

And Respondent (*other spouse*):
Và Bị Đơn (*người phối ngẫu khác*):

No. _____
Số _____

- ☐ Final Divorce Order (Dissolution Decree) (DCD)
 Án Lệnh Ly Dị Chính Thức (Lệnh Chung Quyết Giải Trừ Hôn Nhân) (DCD)
- ☐ Final Legal Separation Order (Decree) (DCLGSP)
 Án Lệnh Ly Thân Hợp Pháp Chính Thức (Lệnh Chung Quyết)(DCLGSP)
- ☐ Invalid Marriage Order (Annulment Decree) (DCINMG)
 Án Lệnh Hôn Nhân Vô Hiệu Lực (Lệnh Chung Quyết Tì Hôn) (DCINMG)
- ☐ Valid Marriage Order (Decree) (DCVMO)
 Án Lệnh Hôn Nhân Có Hiệu Lực (Lệnh Chung Quyết) (DCVMO)
- ☐ Clerk's action required: 1, 2, 6, 13, 14, 15, 16, 18
 Lục sự cần hành sự: 1, 2, 6, 13, 14, 15, 16, 18

Final ☐ **Divorce Order**
Án Lệnh Ly Dị Chính Thức

☐ **Legal Separation Order**
Án Lệnh Ly Thân Hợp Pháp

☐ **Invalid Marriage Order**
Án Lệnh Hôn Nhân Vô Hiệu Lực

☐ **Valid Marriage Order**
Án Lệnh Hôn Nhân Có Hiệu Lực

1. Money Judgment Summary
Tóm Lược Phán Quyết Về Tiền

- ☐ No money judgment is ordered.
 Không có phán quyết về tiền nào được đưa ra.
- ☐ Summarize any money judgments from sections 6 or 14 in the table below.
 Tóm lược mọi phán quyết về tiền từ phần 6 hoặc 14 trong bảng bên dưới.

Judgment for Phán quyết cho	Debtor's name (person who must pay money) Tên của con nợ (người phải trả tiền)	Creditor's name (person who must be paid) Tên của chủ nợ (người phải được trả tiền)	Amount Số Tiền	Interest Tiền lãi
Money judgment (section 6) Phán quyết về tiền (phần 6)			\$	\$
Fees and costs (section 14) Lệ phí và chi phí (phần 14)			\$	\$
Other amounts (describe): Các số tiền khác (miêu tả):			\$	\$
Yearly Interest Rate: ____% (12% unless otherwise listed) Lãi Suất Hàng Năm: ____% (12% trừ khi được liệt kê khác đi)				
Lawyer (name):		represents (name):		
Luật Sư (tên):		đại diện cho (tên):		
Lawyer (name):		represents (name):		
Luật Sư (tên):		đại diện cho (tên):		

2. Summary of Real Property Judgment (land or home)
Tóm Lược Phán Quyết Về Bất Động Sản (đất đai hoặc nhà cửa)

- [] No real property judgment is ordered
 Không có phán quyết nào về bất động sản được ra lệnh
- [] Summarize any real property judgment from section 7 in the table below.
 Tóm lược bất kỳ phán quyết nào về bất động sản từ phần 7 trong bảng bên dưới.

Grantor's name (person giving property) Tên của Người Chuyển Nhượng (người cho tài sản)	Grantee's name (person getting property) Tên của Người Nhận Chuyển Nhượng (người nhận tài sản)	Real Property (fill in at least one) Bất Động Sản (điền vào ít nhất một)	
		Assessor's property tax parcel or account number: Gói thuế tài sản hoặc số tài khoản của người định giá tài sản:	Legal description of property awarded (lot/block/plat/section, township, range, county, state) Phần miêu tả hợp pháp tài sản được trao tặng (lô đất/khoảnh đất/miếng đất/mảnh đất rộng một dặm vuông, khu vực hành chính của quận, vùng, quận, tiểu bang)

Lawyer (name): Luật Sư (tên):	represents (name): đại diện cho (tên):		
Lawyer (name): Luật Sư (tên):	represents (name): đại diện cho (tên):		

➤ **The court has made Findings and Conclusions in this case and now Orders:**
Tòa đã lập Các Phán Quyết và Kết Luận về vụ kiện này và hiện giờ Ra Lệnh:

3. Marriage Hôn Nhân

- ☐ This marriage and any domestic partnerships or civil unions are dissolved. The Petitioner and Respondent are divorced.
Cuộc hôn nhân này của chúng tôi và bất kỳ quan hệ bạn đời hoặc kết bạn đồng tính được giải trừ. Nguyên Đơn và Bị Đơn ly dị.
- ☐ The Petitioner and Respondent are granted a Legal Separation.
Nguyên Đơn và Bị Đơn được cấp một giấy Ly Thân Hợp Pháp.
- ☐ This marriage is invalid (annulled) as of the date it began.
Cuộc hôn nhân này vô hiệu lực (bị tiêu hôn) vào ngày nó bắt đầu.
- ☐ The *Petition to Invalidate (Annul) Marriage* is denied. This marriage is valid (not annulled).
Đơn Xin Vô Hiệu Lực (Tiêu Hôn) Cuộc Hôn Nhân bị từ chối. Cuộc hôn nhân này còn hiệu lực (không bị tiêu hủy).

4. Name Changes Thay Đổi Tên

- ☐ Neither spouse asked to change their name.
Không người phối ngẫu nào đã yêu cầu thay đổi tên của họ.
- ☐ The Petitioner's name is changed to (new name):
Tên của Nguyên Đơn được đổi thành (tên mới):

<i>First</i>	<i>Middle</i>	<i>Last</i>
<i>Tên</i>	<i>Tên đệm</i>	<i>Họ</i>

- ☐ The Respondent's name is changed to (new name):
Tên của Bị Đơn được đổi thành (tên mới):

<i>First</i>	<i>Middle</i>	<i>Last</i>
<i>Tên</i>	<i>Tên đệm</i>	<i>Họ</i>

5. Separation Contract Hợp Đồng Ly Thân

- ☐ There is no enforceable separation contract.
Không có hợp đồng ly thân nào bị cưỡng bách nữa.
- ☐ The spouses must comply with the terms of the separation contract signed on (date): _____. This contract is (check one):
Những người phối ngẫu phải tuân thủ các điều khoản của hợp đồng ly thân được ký vào (ngày): _____. Hợp đồng này là (đánh dấu chọn một):
- ☐ attached as an Exhibit and made part of this Order.
được đính kèm là một Tang Vật và làm thành một phần của Ấn Lệnh này.
- ☐ **not** filed with the court and is incorporated by reference. (RCW 26.09.070(5))
không được nộp với tòa và được đưa vào bằng dẫn chiếu. (RCW 26.09.070(5))
- ☐ filed with the court as a separate document and is incorporated by reference.
được nộp với tòa là một văn kiện riêng và được đưa vào bằng dẫn chiếu.

6. Money Judgment (summarized in section 1 above) Phán Quyết Về Tiền (được tóm lược trong phần 1 trên đây)

- ☐ None.
Không có.
- ☐ The (check one): ☐ Petitioner ☐ Respondent must pay the other party (amount) \$ _____. The court grants a judgment for this amount.
(đánh dấu chọn một): ☐ Nguyên Đơn ☐ Bị Đơn phải trả cho bên khác (số tiền) \$ _____. Tòa cấp một phán quyết về tiền cho số tiền này.
- The **interest rate** is 12% unless another amount is listed below.
Mức **lãi suất** là 12% trừ khi số tiền khác được liệt kê dưới đây.
- ☐ The interest rate is _____% because (explain): _____
- Mức lãi suất là _____% bởi vì (giải thích): _____
- ☐ Money judgments in temporary orders (other than child support):
Các phán quyết về tiền trong các án lệnh tạm thời (ngoài tiền cấp dưỡng con cái):
- ☐ are **not** affected by this order.
không bị ảnh hưởng bởi án lệnh này.
- ☐ are affected by this order as follows (clerk's action required): _____
bị ảnh hưởng bởi án lệnh này như sau (lục sự cần hành sự): _____
- ☐ Other: _____
- Khác: _____

7. Real Property (land or home) (summarized in section 2 above) Bất Động Sản (đất đai hoặc nhà cửa) (được tóm lược trong phần 2 trên đây)

- ☐ Neither spouse owns any real property.
Cả hai người phối ngẫu đều không sở hữu bất kỳ bất động sản nào.
- ☐ The real property is divided according to the separation contract described in **5** above.

Bất động sản được chia đúng theo hợp đồng ly thân được miêu tả trong **5** trên đây.

- ☐ The real property is divided as listed in Exhibit _____. This Exhibit is attached and made part of this Order.

Bất động sản được chia như liệt kê trong Tang Vật _____. Tang Vật này được đính kèm và làm thành một phần của Ấn Lệnh này.

- ☐ The real property is divided as explained below:

Bất động sản được chia theo như giải thích dưới đây:

Real Property Address Địa Chỉ Bất Động Sản	Tax Parcel Number Số Góí Thuế	Given to which spouse as that spouse's separate property? Được giao cho người phối ngẫu nào làm tài sản riêng của người phối ngẫu đó?
		☐ Petitioner ☐ Respondent ☐ Nguyên Đơn ☐ Bị Đơn
		☐ Petitioner ☐ Respondent ☐ Nguyên Đơn ☐ Bị Đơn
		☐ Petitioner ☐ Respondent ☐ Nguyên Đơn ☐ Bị Đơn

- ☐ The spouse giving up ownership must sign a Quit Claim Deed and Real Estate Excise Tax Affidavit to transfer the real property to the other spouse by

(date): _____.

Người phối ngẫu từ bỏ quyền sở hữu phải ký vào một Chứng Thư Thoái Quyền và Chứng Thệ Thuế Giáן Thu Bất Động Sản để chuyển nhượng bất động sản cho người phối ngẫu kia trước

(ngày): _____.

- ☐ The court does not have jurisdiction to divide real property because the real property is not located in Washington State.

Tòa án không có thẩm quyền phân chia bất động sản bởi vì bất động sản không nằm trong Tiểu Bang Washington.

- ☐ Other (specify): _____

Khác (ghi rõ): _____

8. Petitioner's Personal Property (possessions, assets or business interests of any kind)
Tài Sản Cá Nhân Của Nguyên Đơn (tài sản của cải, tài sản hoặc lợi nhuận kinh doanh thuộc bất cứ loại nào)

- ☐ The personal property that Petitioner now has or controls is given to Petitioner as their separate property. No transfer of property between Petitioner and Respondent is required.

Tài sản cá nhân mà bây giờ Nguyên Đơn có hoặc kiểm soát được giao cho Nguyên Đơn làm tài sản riêng của họ. Không yêu cầu chuyển nhượng tài sản giữa Nguyên Đơn và Bị Đơn.

- [] The personal property listed as Petitioner's in the separation contract described in 5 above is given to Petitioner as their separate property.

Tài sản cá nhân được liệt kê làm tài sản của Nguyên Đơn trong hợp đồng ly thân được mô tả trong 5 trên đây được giao cho Nguyên Đơn làm tài sản riêng của họ.

- [] The personal property listed in Exhibit _____ is given to Petitioner as their separate property. This Exhibit is attached and made part of this Order.

Tài sản cá nhân được liệt kê trong Tang vật _____ được giao cho Bị Đơn làm tài sản riêng của họ. Tang Vật này được đính kèm và làm thành một phần của Ấn Lệnh này.

- [] The personal property listed below is given to Petitioner as their separate property.

(Include vehicles, pensions/retirement, insurance, bank accounts, furniture, businesses, etc. Do not list more than the last 4 digits of any account number. For vehicles, list year, make, model and VIN or license plate number.)

Tài sản cá nhân được liệt kê dưới đây được giao cho Nguyên Đơn làm tài sản riêng của họ. *(Bao gồm xe cộ, lương hưu/thời việc, bảo hiểm, các tài khoản ngân hàng, đồ nội thất, các công ty, v.v. Xin đừng liệt kê nhiều hơn 4 số cuối của số tài khoản. Đối với xe cộ, liệt kê năm, hiệu, kiểu và VIN hoặc số môn bài.)*

1.	2.
3.	4.
5.	6.
7.	8.

- [] The court does not have jurisdiction to divide personal property because the court does not have personal jurisdiction over one of the spouses as described in Section 3 of the *Findings and Conclusions* for this case.

Tòa án không có thẩm quyền phân chia tài sản cá nhân bởi vì tòa án không thể có thẩm quyền đối với một trong hai người phối ngẫu như được quy định ở Phần 3 của mục *Các Phán Quyết và Quyết Định* cho vụ kiện này.

- [] Other (*specify*): _____
Khác (*ghi rõ*): _____

9. Respondent's Personal Property (possessions, assets or business interests of any kind)
Tài Sản Cá Nhân Của Bị Đơn (tài sản của cải, tài sản hoặc lợi nhuận kinh doanh thuộc bất cứ loại nào)

- [] The personal property that Respondent now has or controls is given to Respondent as their separate property. No transfer of property between Petitioner and Respondent is required.

Tài sản cá nhân mà bây giờ Bị Đơn có hoặc kiểm soát được giao cho Bị Đơn làm tài sản riêng của họ. Không yêu cầu chuyển nhượng tài sản giữa Nguyên Đơn và Bị Đơn.

- [] The personal property listed as Respondent's in the separation contract described in 5 above is given to Respondent as their separate property.

Tài sản cá nhân được liệt kê làm tài sản của Bị Đơn trong hợp đồng ly thân được mô tả trong 5 trên đây được giao cho Bị Đơn làm tài sản riêng của họ.

- [] The personal property listed in Exhibit _____ is given to Respondent as their separate property. This Exhibit is attached and made part of this Order.

Tài sản cá nhân được liệt kê trong Tang vật _____ được giao cho Bị Đơn làm tài sản riêng của họ. Tang vật này được đính kèm và làm thành một phần của Ấn Lệnh này.

- [] The personal property listed below is given to Respondent as their separate property. *(Include vehicles, pensions/retirement, insurance, bank accounts, furniture, businesses, etc. Do not list more than the last 4 digits of any account number. For vehicles, list year, make, model and VIN or license plate number.)*

Tài sản cá nhân được liệt kê dưới đây được giao cho Bị Đơn làm tài sản riêng của họ. *(Bao gồm xe cộ, lương hưu/thôi việc, bảo hiểm, các tài khoản ngân hàng, đồ nội thất, các công ty, v.v. Xin đừng liệt kê nhiều hơn 4 số cuối của số tài khoản. Đối với xe cộ, liệt kê năm, hiệu, kiểu và VIN hoặc số môn bài.)*

1.	2.
3.	4.
5.	6.
7.	8.

- [] The court does not have jurisdiction to divide personal property because the court does not have personal jurisdiction over one of the spouses as described in Section 3 of the *Findings and Conclusions* for this case.

Tòa án không có thẩm quyền phân chia tài sản cá nhân bởi vì tòa án không có thẩm quyền cá nhân đối với một trong hai người phối ngẫu như được quy định ở Phần 3 của mục *Các Phán Quyết và Quyết Định* cho vụ kiện này.

- [] Other (specify): _____
Khác (ghi rõ): _____

10. Petitioner's Debt Nợ Nần của Nguyên Đơn

The Petitioner must pay all debts the Petitioner incurred (took on) since the date of separation, unless the court makes a different order about a specific debt below. *(Check one):*

Nguyên Đơn phải trả tất cả các khoản nợ Nguyên Đơn đã vay (đã chịu) kể từ ngày ly thân, trừ khi tòa lập một ấn lệnh khác về một khoản nợ cụ thể dưới đây. *(Đánh dấu chọn một):*

- [] The Petitioner has no debt.
Nguyên Đơn không có khoản nợ nào.
- [] The Petitioner must pay the debts that are now in the Petitioner's name.
Nguyên Đơn phải trả các khoản nợ mà hiện giờ theo tên của Nguyên Đơn.
- [] The Petitioner must pay debts as required by the separation contract described in 5 above.
Nguyên Đơn phải trả các khoản nợ bị bắt buộc bởi hợp đồng ly thân được miêu tả trong 5 trên đây.
- [] The Petitioner must pay the debts listed in Exhibit _____. This Exhibit is attached and made part of this Order.
Nguyên Đơn phải trả các khoản nợ được liệt kê trong Tang Vật _____. Tang Vật này được đính kèm và làm thành một phần của Ấn Lệnh này.

- ☐ The Petitioner must pay all debts listed below:
Nguyên Đơn phải trả tất cả các khoản nợ được liệt kê dưới đây:

Debt Amount Số Tiền Nợ	Creditor (person or company owed this debt) Chủ nợ (cá nhân hoặc công ty sở hữu khoản nợ này)	Account Number (last 4 digits only) Số Tài khoản (chỉ 4 số cuối)
\$		
\$		
\$		
\$		

- ☐ The court does not have jurisdiction to divide debts because the court does not have personal jurisdiction over one of the spouses as described in Section 3 of the *Findings and Conclusions* for this case.
Tòa án không có thẩm quyền phân chia các khoản nợ bởi vì tòa án không có thẩm quyền cá nhân đối với một trong hai người phối ngẫu như được quy định ở Phần 3 của mục *Các Phán Quyết và Quyết Định* cho vụ kiện này.
- ☐ Other (*specify*): _____
Khác (*ghi rõ*): _____

11. Respondent's Debt Nợ Của Bị Đơn

The Respondent must pay all debts the Respondent incurred (took on) since the date of separation, unless the court makes a different order about a specific debt below. -(*Check one*):

Bị Đơn phải trả tất cả các khoản nợ Bị Đơn đã vay (đã chịu) kể từ ngày ly thân, trừ khi tòa lập một án lệnh khác về một khoản nợ cụ thể dưới đây. (*Đánh dấu chọn một*):

- ☐ The Respondent has no debt.
Bị Đơn không có khoản nợ nào.
- ☐ The Respondent must pay the debts that are now in the Respondent's name.
Bị Đơn phải trả các khoản nợ mà hiện giờ theo tên của Bị Đơn.
- ☐ The Respondent must pay debts as required by the separation contract described in 5 above.
Bị Đơn phải trả các khoản nợ bị bắt buộc bởi hợp đồng ly thân được miêu tả trong 5 trên đây.
- ☐ The Respondent must pay the debts listed in Exhibit _____. This Exhibit is attached and made part of this Order.
Bị Đơn phải trả các khoản nợ được liệt kê trong Tang Vật _____. Tang Vật này được đính kèm và làm thành một phần của Án Lệnh này.
- ☐ The Respondent must pay all debts listed below:

Bị Đơn phải trả tất cả các khoản nợ được liệt kê dưới đây:

Debt Amount Số Tiền Nợ	Creditor (person or company owed this debt) Chủ nợ (cá nhân hoặc công ty sở hữu khoản nợ này)	Account Number (last 4 digits only) số tài khoản (chỉ 4 số cuối)
\$		
\$		
\$		
\$		

- ☐ The court does not have jurisdiction to divide debts because the court does not have personal jurisdiction over one of the spouses as described in Section 3 of the *Findings and Conclusions* for this case.

Tòa án không có thẩm quyền phân chia các khoản nợ bởi vì tòa án không có thẩm quyền cá nhân đối với một trong hai người phối ngẫu như được quy định ở Phần 3 của mục *Các Phán Quyết và Quyết Định* cho vụ kiện này.

- ☐ Other (*specify*): _____
Khác (*ghi rõ*): _____

12. Debt Collection (hold harmless)

Truy Thu Nợ (giảm thiệt hại)

- ☐ Does not apply.
Không áp dụng.
- ☐ If one spouse fails to pay a debt as ordered above and the creditor tries to collect the debt from the other spouse, the spouse who was ordered to pay the debt must hold the other spouse harmless from any collection action about the debt. This includes reimbursing the other spouse for any of the debt that spouse paid and for attorney fees or costs related to defending against the collection action.

Nếu một người phối ngẫu không trả một khoản nợ đã được ra lệnh trên đây và chủ nợ cố gắng truy thu nợ từ người phối ngẫu khác, thì người phối ngẫu là người đã được lệnh phải trả nợ phải giữ cho người phối ngẫu khác tránh khỏi tất cả các thiệt hại từ bất kỳ hành động truy thu nào về khoản nợ. Việc này bao gồm bồi hoàn người phối ngẫu khác đối với bất kỳ khoản nợ nào người phối ngẫu đó đã trả cho các lệ phí luật sư hoặc chi phí liên quan đến việc bảo vệ lại hành động truy thu.

- ☐ Other (*specify*): _____
Khác (*ghi rõ*): _____

13. Spousal Support (maintenance/alimony)

Tiền Cấp Dưỡng Cho Người Phối Ngẫu (tiền cấp dưỡng/tiền nuôi dưỡng)

- ☐ No spousal support is ordered.
Không có tiền trợ cấp cho người phối ngẫu được ra lệnh.

- [] Spousal support must be paid as required by the separation contract described in 5 above. Spousal support will end when either spouse dies, or the spouse receiving support gets married or registers a new domestic partnership, *unless* the separation contract provides differently.

Tiền cấp dưỡng người phối ngẫu phải được trả theo yêu cầu của hợp đồng ly thân được miêu tả trong 5 trên đây. Tiền trợ cấp người phối ngẫu sẽ kết thúc khi hoặc là người phối ngẫu mất, hoặc người phối ngẫu nhận tiền trợ cấp kết hôn hoặc đăng ký một quan hệ bạn đời sống chung, *trừ khi* hợp đồng ly thân cung cấp khác đi.

- [] Spousal support must be paid as described in Exhibit _____. This Exhibit is attached and made part of this Order. Spousal support will end when either spouse dies, or the spouse receiving support gets married or registers a new domestic partnership, *unless* the Exhibit provides differently.

Tiền cấp dưỡng của người phối ngẫu phải được trả như được miêu tả trong Tang Vật _____. Tang Vật này được đính kèm và làm thành một phần của Ấn Lệnh này. Tiền trợ cấp người phối ngẫu sẽ kết thúc khi hoặc là người phối ngẫu mất, hoặc người phối ngẫu nhận tiền trợ cấp kết hôn hoặc đăng ký một quan hệ bạn đời sống chung, *trừ khi* Tang Vật cung cấp khác đi.

- [] The (check one): [] Petitioner [] Respondent must pay spousal support as follows: (Đánh dấu chọn một): [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn phải trả tiền cấp dưỡng cho người phối ngẫu như sau:

Amount: Số Tiền:	Start date: Ngày bắt đầu:	End date : Ngày kết thúc :	Payment schedule: Lịch biểu trả tiền:
\$ _____ each month mỗi tháng	<i>Date 1st payment is due</i> Ngày 1 khoản chi trả đến hạn	<i>(If any)</i> (Nếu có)	<i>Day(s) of the month each payment is due (for example, "the 5th," "weekly," or "half on the 1st and half on the 15th")</i> Các ngày của tháng mỗi khoản chi trả đến hạn (chẳng hạn như: "thứ 5," "hàng tuần," hoặc "một nửa vào ngày 1 và một nửa vào ngày 15")

Whether or not there is an end date, as a matter of law, spousal support will end when either spouse dies, or the spouse receiving support gets married or registers a new domestic partnership, unless expressly stated below. (RCW 26.09.170(2).)

Cho dù có hay không có một ngày kết thúc, về vấn đề luật, thì tiền cấp dưỡng người phối ngẫu sẽ kết thúc khi hoặc là người phối ngẫu mất, hoặc người phối ngẫu nhận tiền trợ cấp kết hôn hoặc đăng ký một quan hệ bạn đời sống chung, trừ khi được trình bày tuyệt đối bên dưới. (RCW 26.09.170(2).)

- [] Other (specify): _____
Khác (ghi rõ):

Make all payments to (check one):

Thực hiện mọi khoản chi trả cho (đánh dấu chọn một):

- [] the other spouse directly by (check one):

người phối ngẫu khác trực tiếp bằng (đánh dấu chọn một):

- [] mail to:

_____	_____	_____	_____
Street Address or PO Box	City	State	Zip
gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ:			
_____	_____	_____	_____
Địa chỉ Đường phố hoặc Hộp	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Zip

thư Bưu Điện

- ☐ direct deposit/transfer to a bank account identified by the receiving party.
chuyển tiền trực tiếp/chuyển khoản cho một tài khoản ngân hàng được xác định bởi bên nhận.

The receiving party must notify the paying party of any address or account change.
Bên nhận phải thông báo cho bên trả tiền về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ hay tài khoản nào.

- ☐ the Washington State Support Registry (WSSR). The Registry will forward the support to the other spouse (*only if child support is also ordered*). (*If you check this box, also check the "Clerk's action required" box in the caption on page 1.*) DSHS Division of Child Support (DCS) can collect the support owed from the wages, earnings, assets, or benefits of the parent who owes support, and can enforce liens against real or personal property as allowed by any state's child support laws without notice to the parent who owes the support.

cơ quan Đăng Ký Cấp Dưỡng Tiểu Bang Washington (WSSR). Cơ Quan Đăng Ký sẽ chuyển tiếp tiền cấp dưỡng tới người phối ngẫu khác (*chỉ nếu khi tiền cấp dưỡng con cái cũng được ra án lệnh*). (*Nếu quý vị đánh dấu vào ô này, cũng xin đánh dấu vào ô "Lục sự cần hành sự" trong tiêu đề trên trang 1.*) DSHS Nha Cấp Dưỡng Con Nhỏ (DCS) có thể truy thu tiền cấp dưỡng thiếu nợ từ tiền lương tuần, các khoản thu nhập, tài sản, hoặc các khoản phúc lợi của phụ huynh là người nợ tiền cấp dưỡng, và có thể cưỡng bách quyền nắm giữ vật thể chấp đối với bất động sản hoặc tài sản cá nhân được cho phép bởi bất kỳ luật cấp dưỡng con cái nào của tiểu bang mà không phải thông báo cho phụ huynh là người nợ tiền cấp dưỡng.

To the Clerk: forward a copy of this order to WSSR.

Gửi tới Lục Sự: chuyển tiếp một bản sao của án lệnh này cho WSSR.

- ☐ the court clerk, who will forward the support to the other spouse (*only if there is no child support order*). (*If you check this box, also check the "Clerk's action required" box in the caption on page 1.*)

lục sự tòa, người sẽ chuyển tiếp tiền cấp dưỡng tới người phối ngẫu khác (*chỉ nếu khi không có án lệnh cấp dưỡng con cái*). (*Nếu quý vị đánh dấu vào ô này, cũng đánh dấu vào ô "Lục sự cần hành động" trong tiêu đề trên trang 1.*)

- ☐ Other (*specify*): _____

Khác (*ghi rõ*): _____

- ☐ The spouse paying support has public (state) retirement benefits. (RCW 26.09.138)
Người phối ngẫu chi trả tiền cấp dưỡng có các phúc lợi hưu trí (tiểu bang) hoặc công cộng. (RCW 26.09.138)

- ☐ The spouse owed support may ask, without giving notice, for the other spouse's retirement benefits to be assigned to them if:

Người phối ngẫu nợ tiền cấp dưỡng có thể yêu cầu, không phải thông báo, các phúc lợi hưu trí của người phối ngẫu khác để được giao cho họ:

- \$100 or more in spousal support is more than 15 days late, or
\$100 hoặc nhiều hơn trong số tiền cấp dưỡng cho người phối ngẫu là hơn 15 ngày trễ, hoặc
- The other spouse asks to take money out of their public retirement account.
(RCW 41.50)

Người phối ngẫu khác yêu cầu lấy tiền ra khỏi tài khoản hưu trí công cộng của họ. (RCW 41.50)

☐ The Department of Retirement Systems may pay all or part of a withdrawal from a retirement account directly to the spouse owed support. (RCW 41.50.550(3))
Hội Đồng Điều Hành Hệ Thống Hưu Trí có thể trả tất cả hoặc một phần của một khoản rút từ một tài khoản hưu trí trực tiếp cho người phối ngẫu nợ tiền cấp dưỡng. (RCW 41.50.550(3))

☐ Other (*specify*): _____
Khác (*ghi rõ*): _____

14. Fees and Costs (*Summarize any money judgment in section 1 above.*)

Các Lệ Phí và Chi Phí (*Tóm lược bất kỳ phán quyết nào về tiền trong phần 1 trên đây.*)

- ☐ Each spouse will pay their own fees and costs.
Mỗi người phối ngẫu sẽ trả các lệ phí và chi phí riêng của họ.
- ☐ Fees and costs must be paid as required by the separation contract described in 5 above.
Các khoản lệ phí và chi phí phải được trả theo yêu cầu của bởi hợp đồng ly thân được miêu tả trong 5 trên đây.
- ☐ The court orders a money judgment for fees and costs as follows:
Tòa ra lệnh một phán quyết về tiền đối với các lệ phí và chi phí như sau:

Judgment for Phán quyết cho	Debtor's name (<i>person who must pay money</i>) Tên của con nợ (<i>người phải trả tiền</i>)	Creditor's name (<i>person who must be paid</i>) Tên của chủ nợ (<i>người phải được trả tiền</i>)	Amount Số Tiền	Interest Tiền Lãi
☐ lawyer fees các khoản phí luật sư			\$	\$
☐ guardian ad litem (GAL) fees các khoản phí luật sư đại diện quyền lợi cho bị đơn (GAL)			\$	\$
☐ court costs các chi phí tòa án			\$	\$
☐ other fees and expenses (<i>specify</i>): các khoản lệ phí và chi phí khác (<i>ghi rõ</i>):			\$	\$

The **interest rate** is 12% unless another amount is listed below.
Mức **lãi suất** là 12% trừ khi số tiền khác được liệt kê dưới đây.

☐ The interest rate is _____% because (*explain*): _____

Mức lãi suất là _____ % bởi vì (*giải thích*): _____

☐ Judgments for fees and costs in temporary orders:

Các phán quyết về các khoản lệ phí và chi phí trong các án lệnh tạm thời:

[] are **not** affected by this order.

không bị ảnh hưởng bởi án lệnh này.

[] are affected by this order as follows (*clerk's action required*): _____

bị ảnh hưởng bởi án lệnh này như sau (*lục sự cần hành sự*): _____

[] Other: _____

Khác: _____

15. Protection Order

Án Lệnh Bảo Vệ

[] No one requested a *Protection Order*.

Không một ai đã yêu cầu một *Án Lệnh Bảo Vệ*.

[] **Approved** – The request for a *Protection Order* is approved. The *Protection Order* is filed separately.

Được Chấp Thuận – Yêu cầu một *Án Lệnh Bảo Vệ* được chấp thuận. *Án Lệnh Bảo Vệ* được nộp riêng.

[] **Denied** – The request for a *Protection Order* is denied. The *Denial Order* is filed separately.

Bị Từ Chối – Yêu cầu một *Án Lệnh Bảo Vệ* bị từ chối. *Án Lệnh Phủ Nhận* được nộp riêng.

[] **Renewed/Changed** – The existing *Protection Order* filed in or combined with this case is renewed or changed as described in following order, filed separately (*check one*):

Được Gia Hạn/Thay Đổi – *Án Lệnh Bảo Vệ* hiện hữu được nộp theo hoặc được kết hợp với vụ kiện này được gia hạn hoặc thay đổi như miêu tả trong án lệnh sau đây, được nộp riêng (*đánh dấu chọn một*):

[] *Order on Renewal of Protection Order*

Án Lệnh về Gia Hạn Án Lệnh Bảo Vệ

[] *Order Modifying/Terminating Protection Order*

Án Lệnh Sửa Đổi/Chấm Dứt Án Lệnh Bảo Vệ

[] Other: _____

Khác: _____

16. Restraining Order

Án Lệnh Ngăn Cấm

[] No one requested a *Restraining Order*.

Không một ai đã yêu cầu một *Án Lệnh Ngăn Cấm* trong vụ kiện này.

[] **Approved** – The request for a *Restraining Order* is approved. The *Restraining Order* is filed separately.

Được Chấp Thuận – Yêu cầu một *Án Lệnh Ngăn Cấm* được chấp thuận. *Án Lệnh Ngăn Cấm* được nộp riêng.

[] **Denied** – The request for a *Restraining Order* is denied.

Bị Từ Chối – Yêu cầu một *Án Lệnh Ngăn Cấm* bị từ chối.

- [] Check this box if the court previously signed a temporary Restraining Order and is **not** signing a final Restraining Order in this case. Also check the "Clerk's action required" box in the caption on page 1.

Đánh dấu vào ô này nếu trước đây tòa đã ký một Án Lệnh Ngăn Cấm tạm thời và **không** ký một Án Lệnh Ngăn Cấm chính thức trong vụ kiện này. Cũng đánh dấu vào ô "Lục sự cần hành động" trong tiêu đề trên trang 1.

Name of law enforcement agency where the Protected Person lived when the Restraining Order was issued: _____

Tên của cơ quan công lực nơi Người Được Bảo Vệ cư ngụ khi Án Lệnh Ngăn Cấm đã được ban hành: _____

To the Clerk: Provide a copy of this Order to the agency listed above within 1 court day. The law enforcement agency must remove the temporary Restraining Order from the state's database.

Gửi Lục Sự: Cung cấp một bản sao Án Lệnh này cho cơ quan được liệt kê trên đây trong vòng một ngày tòa. Cơ quan công lực phải loại bỏ Án Lệnh Ngăn Cấm tạm thời khỏi cơ sở dữ liệu của tiểu bang.

17. Children of the Marriage

Những đứa con của Cuộc Hôn nhân

- [] The spouses have **no** children together who are still dependent.
Người phối ngẫu **không có** con chung mà vẫn còn phụ thuộc.
- [] This court has jurisdiction over the children the spouses have together as explained in the *Findings and Conclusions* for this case.
Tòa này có thẩm quyền đối với những đứa con như được giải thích trong *Các Phán Quyết và Kết Luận* cho vụ kiện này.

If there are children of both spouses listed in the *Findings and Conclusions* who do not have both spouses listed on their birth certificates, the State Registrar of Vital Statistics is ordered to amend the children's birth certificates to list both spouses as parents upon receipt of a certified copy of this order and the *Findings and Conclusions*.

Nếu có con cái của cả hai người phối ngẫu được liệt kê trong *Các Phán Quyết và Kết Luận* là người có cả hai người phối ngẫu được liệt kê trên những giấy khai sinh của chúng, thì Nhân Viên Hộ Tịch Phụ Trách Thống Kê Tuổi Thọ được lệnh sửa đổi giấy khai sinh của đứa trẻ để liệt kê cả hai người phối ngẫu là phụ huynh ngay khi nhận một bản sao có xác nhận của án lệnh này và *Các Phán Quyết và Kết Luận*.

Important! The court does not forward this *Order* to the State Registrar. To amend the birth certificate, a party must provide a certified copy of this *Order* and the *Findings and Conclusions* to the State Registrar of Vital Statistics. Other information may be required by the State Registrar of Vital Statistics. If the child was **not** born in Washington, contact the appropriate agency in the state where the child was born.

Thông Tin Quan Trọng! Tòa không chuyển tiếp Án Lệnh này cho to the Nhân Viên Hộ Tịch Của Tiểu Bang. Để sửa đổi giấy khai sinh, một bên phải cung cấp một bản sao có xác nhận của Án Lệnh này và *Các Phán Quyết và Kết Luận* cho Nhân Viên Hộ Tịch Phụ Trách Thống Kê Tuổi Thọ. Các thông tin khác có thể được yêu cầu bởi Nhân Viên Hộ Tịch Phụ Trách Thống Kê Tuổi Thọ. Nếu đứa trẻ **không** được sinh ra tại Washington, hãy liên lạc với cơ quan phù hợp trong tiểu bang là nơi đứa trẻ được sinh ra.

- [] This court does **not** have jurisdiction over the children as explained in the *Findings and Conclusions* for this case.
Tòa này **không** có thẩm quyền đối với những đứa con như được giải thích trong Các *Phán Quyết và Kết Luận* cho vụ kiện này.

18. Parenting Plan Chương Trình Nuôi Dạy Con

- [] Does not apply. The spouses have no children together who are under 18 years old, or the court does not have jurisdiction over the children.
Không áp dụng. Những người phối ngẫu không có con chung dưới 18 tuổi, hoặc tòa không có thẩm quyền đối với những đứa con.
- [] The court signed the final *Parenting Plan* filed separately today or on (date): _____.
Tòa đã ký *Chương Trình Nuôi Dạy Con* được nộp riêng hôm nay hoặc vào (ngày): _____.
- [] The Guardian Ad Litem (GAL) is discharged. (If you check this box, also check the "Clerk's action required" box in the caption on page 1.)
Luật sư Đại diện cho Quyền lợi (GAL) được miễn tố. (Nếu quý vị đánh dấu vào ô này, cũng đánh dấu ô "Lục sự cần hành sự" ở đầu đề trang 1.)

19. Child Support Cấp Dưỡng Con Cái

- [] Does not apply. The spouses have no dependent children together, or the court does not have jurisdiction over child support.
Không áp dụng. Những người phối ngẫu không có con chung còn phụ thuộc, hoặc tòa không có thẩm quyền đối với tiền cấp dưỡng con cái.
- [] **Court Order** – The court signed the final *Child Support Order* and *Worksheets* filed separately today or on (date): _____.
Án Lệnh Tòa – Tòa đã ký một **Án Lệnh Cấp Dưỡng Con Cái** và **Bảng Tính Tiền** chính thức được nộp riêng hôm nay hoặc vào (ngày): _____.
- Tax issues and post-secondary (college or vocational school) support are covered in the Child Support Order.*
Các vấn đề thuế và tiền cấp dưỡng hậu trung học (đại học hoặc trường huấn nghiệp) được bao hàm trong Án Lệnh Cấp Dưỡng Con Cái.
- [] **Administrative Order** – The court is **not** issuing a child support order. There is an administrative child support order established by DSHS Division of Child Support (DCS) for the dependent children of this marriage. DCS case number(s): _____.

Án Lệnh Hành Chánh – Tòa đang **không** ban hành một án lệnh cấp dưỡng con cái. Có một án lệnh cấp dưỡng con cái thuộc hành chánh được thiết lập bởi DSHS Nha Cấp Dưỡng Con Nhỏ (DCS) cho con cái còn phụ thuộc của cuộc hôn nhân này. (Các số hồ sơ DCS:

DCS child support orders do not cover tax issues or post-secondary (college or vocational school) support. Therefore, the court orders:
Các án lệnh cấp dưỡng con cái của DCS không bao hàm các vấn đề thuế hoặc tiền cấp dưỡng hậu trung học (đại học hoặc trường huấn nghiệp). Do đó, tòa ra lệnh:

- [] **Tax Issues** – The parties have the right to claim the children as their dependents for purposes of personal tax exemptions and associated tax credits on their tax forms as follows (describe): _____.

Các Vấn Đề Thuế – Các bên có quyền xác nhận những đứa trẻ là người phụ thuộc vì mục đích giảm trừ thuế thu nhập cá nhân và các khoản tín dụng thuế liên kết trên mẫu đơn khai thuế của chúng tôi như sau (*miêu tả*):

For tax years when a non-custodial parent has the right to claim the children, the parents must cooperate to fill out and submit IRS Form 8332 in a timely manner. Đối với các năm thuế khi một phụ huynh không phải người chăm nuôi có quyền yêu cầu con cái, các phụ huynh phải phối hợp để điền và đệ trình IRS Mẫu Đơn 8332 theo cách chuẩn mực.

Important! Although the personal tax exemptions are currently suspended under federal law through tax year 2025, other tax benefits may flow from claiming a child as dependent.

Thông Tin Quan Trọng! Mặc dù việc giảm trừ thuế thu nhập cá nhân hiện tại đã được hoãn theo luật liên bang đến kỳ thuế năm 2025, các quyền lợi thuế khác có thể bắt nguồn từ việc khẳng định một đứa con là người phụ thuộc.

☐ **Post-secondary (college or vocational school)** –The court orders:

Hậu trung học (đại học hoặc trường huấn nghiệp) –Tòa ra lệnh:

☐ A parent may ask the court for post-secondary support at a later date, but the parent must file that request before the duty to pay child support ends.

Một phụ huynh có thể yêu cầu tòa tiền cấp dưỡng hậu trung học vào một ngày sau đó, nhưng phụ huynh phải nộp yêu cầu đó trước khi nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng con cái kết thúc.

☐ The parents must pay for the children's post-secondary support. The parents will make a post-secondary support plan or the court will order one. Các phụ huynh phải trả tiền cấp dưỡng hậu trung học cho con cái. Các phụ huynh sẽ lập một chương trình cấp dưỡng hậu trung học hoặc tòa sẽ lệnh một chương trình.

☐ Post-secondary support is **not** required.
Tiền cấp dưỡng hậu trung học **không** bắt buộc.

☐ Other (*specify*):

Khác (*ghi rõ*):

20. Other Orders (if any):

Các Án Lệnh Khác (nếu có):

**Ordered.
Được lệnh.**



Date
Ngày

Judge or Commissioner
Chánh Án hay Ủy Viên

**Petitioner and Respondent or their lawyers fill out below.
Nguyên Đơn và Bị Đơn hoặc các luật sư của họ điền bên dưới.**

This document (*check any that apply*):

Văn kiện này (*đánh dấu bất kỳ ô nào thích hợp*):

- ☐ is an agreement of the parties
là một thỏa thuận của các bên
- ☐ is presented by me
do tôi đại diện
- ☐ may be signed by the court without notice to me
có thể do tòa ký mà không cần thông báo cho tôi

This document (*check any that apply*):

Văn kiện này (*đánh dấu bất kỳ ô nào thích hợp*):

- ☐ is an agreement of the parties
là một thỏa thuận của các bên
- ☐ is presented by me
do tôi đại diện
- ☐ may be signed by the court without notice to me
có thể do tòa ký mà không cần thông báo cho tôi



Petitioner signs here/Lawyer signs here WSBA #
Nguyễn Đơn ký tại đây/Luật sư ký tại đây WSBA #



Respondent signs here/Lawyer signs here WSBA #
Bị Đơn ký tại đây/Luật sư ký tại đây WSBA #

Print Name
Viết chữ in họ và tên

Date
Ngày

Print Name
Viết chữ in họ và tên

Date
Ngày